

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/ST- DS

Ngày: 29 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khanh**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Đại**

Ông **Nguyễn Ngọc Quang**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **H Thị Tuyết Mai** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Tiến Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Thông báo mở phiên tòa số 04/2022/TB - TA ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bi đơn: Anh Đinh Công T, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đinh Thị Kim L, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đinh Xuân L, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đinh Văn L, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đinh Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của anh T: Bà Nguyễn Thị Thu T.

+ Anh Đinh Văn B, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh L Quang H, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 9, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Người làm chứng:

+ Anh Vũ Hải L (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Mai Xuân Q (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trần Quốc H (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Đào Trọng T (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Thành L (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Trần Việt Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và được bổ sung bằng các bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Năm 1987, ông Đinh Xuân L ly hôn với bà Vũ Thị H, đến năm 1988 ông L kết hôn cùng tôi, có đăng ký tại UBND xã S. Khi đó, ông L có 04 người con với bà H, khi ly hôn thì 02 con là cháu Đinh Công T, cháu Đinh Xuân L ở với bố là ông L. Sau khi đăng ký, tôi về chung sống cùng gia đình ông L. Tôi và ông L sinh được 02 người con chung là Đinh Văn T, sinh năm 1988 và Đinh Văn B, sinh năm 1989. Thời điểm đó gia đình chúng tôi gồm có bố mẹ đẻ ông L là ông Đinh Văn H, bà Hoàng Thị H, vợ chồng tôi, 02 con chung của tôi và ông L và 02 con riêng của ông L là anh T, anh L cùng sinh sống với nhau. Khi đó trên đất có 02 nhà tre vách đất. Khi chúng tôi chưa lấy nhau, ông bà ở căn nhà phía trên. Từ khi tôi lấy ông L thì tất cả chúng tôi cùng ăn uống sinh hoạt tại nhà bên dưới cùng nhau. Giai đoạn đó, tôi được biết bố mẹ chồng tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996 bố chồng tôi ông H chết. Năm 2004 mẹ chồng tôi bà H chết, đều không để lại di chúc. Bố mẹ chồng tôi sinh được 02 người con là Đinh Xuân T (đã chết năm 1975, chưa có vợ, con) và Đinh Xuân L. Nên sau khi ông bà chết, vợ chồng tôi canh tác và sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 2009, vợ chồng tôi xây nhà mái bằng với trị giá 65.000.000đ.

Đến năm 2013, huyện Đoan Hùng có chủ trương cấp sổ đỏ cho các hộ tại khu Thọ Sơn và Sóc Đăng. Đất chúng tôi đang sinh sống có phần đất ở, đất vườn thuộc khu Thọ Sơn. Khi đó ông L đã đi kê khai và chúng tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 299823 ngày 16/12/2013, tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ mang tên vợ chồng tôi là Đinh Xuân L và Nguyễn Thị Thu T. Ngoài diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình tôi còn có phần đất vẫn đang sử dụng, nguồn gốc khai hoang từ trước năm 1990, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần đất ao và đất ruộng có diện tích 6650m², vị trí cạnh thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông L theo quy định của pháp luật để lại gồm: 1/2 quyền sử dụng đất thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ đứng tên vợ chồng tôi là Đinh Xuân L và Nguyễn Thị Thu T. Tài sản trên thửa đất gồm ngôi nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, chuồng lợn, sân, giếng. Đã được Hội đồng định giá huyện Đoan Hùng thẩm định và định giá ngày 22/6/2022, tôi nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá. Sau khi chồng tôi ông L chết, năm 2020 tôi có sửa nhà hết số tiền 106.613.000đ, tôi đề nghị trừ đi số tiền sửa nhà còn đâu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật và tôi đề nghị được sở hữu nhà và các tài sản trên đất, tôi sẽ thanh toán chênh lệch giá trị cho các thừa kế. Đối với cây trồng trên đất tôi không đề nghị thẩm định, định giá nếu sau này vào phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

- Đối với phần đất vỡ hoang (đất ao, đất ruộng) 6650m², chưa được cấp giấy CNQSD đất, hiện tôi đang quản lý, sử dụng, tôi không đề nghị Tòa án chia thừa kế. Đề nghị Tòa án tạm giao cho tôi tiếp tục quản lý và sử dụng, để tôi làm thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định, sau này sẽ đề nghị chia sau.

Tôi không đồng ý việc anh T đề nghị cắt một phần diện tích đất khoảng từ 50m² đến 100m² để làm nhà thờ còn đâu thì chia thừa kế.

2. Bị đơn anh Đinh Công T trình bày:

Bố mẹ đẻ tôi là ông Đinh Văn L (chết năm 2017) và bà Vũ Thị H (sinh năm 1954, hiện đang ở thôn 2, xã S, huyện Đoan Hùng) sinh được 4 người con, gồm: Đinh Công T (sinh năm 1976), Đinh Thị Kim L (sinh năm 1978), Đinh Xuân L (sinh năm 1980), Đinh Văn L (sinh năm 1983), hiện các anh chị em đều đang ở thôn 2, xã S. Trước đây gia đình chúng tôi ở chung cùng ông bà nội tôi là ông Đinh Văn H (chết năm 1996), bà Hoàng Thị H (chết năm 2004). Ông bà nội tôi có 2 người con, là Đinh Xuân T (đã chết năm 1975, chưa có vợ, con) và bố tôi là Đinh Xuân L. Sau đó ông bà nội ra ở riêng, gia đình chúng tôi ở mảnh đất bên dưới, còn ông bà nội ở mảnh đất bên trên (cả 2 phần đất này nằm ở 2 thửa khác nhau nhưng đều của ông bà nội, ông bà không có sổ đỏ nhưng đã khai hoang và sử dụng lâu năm. Quá trình chung sống, bố mẹ đẻ tôi có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Khoảng năm 1986, ông L dẫn bà T về, đòi lấy bà T. Gia đình tôi ai cũng phản đối nhưng ông L không nghe. Sau đó, ông bà nội

tôi có tổ chức họp gia đình và thống nhất để cho ông L chung sống với bà T tại ngôi nhà mà ông bà nội đang ở, còn ông bà về ở với mẹ tôi và chúng tôi tại ngôi nhà chúng tôi đang sinh sống. Được khoảng 1 năm thì xô xát giữa bà T và bà H xảy ra, bà H không chịu được nên đã bỏ ra ngoài nhà anh trai của bà H (Vũ Viết N) ở nhờ và viết đơn ly hôn, khi đó 4 anh em tôi đều theo bà H ra đó ở. Quá trình bà H và ông L giải quyết ly hôn, đã thống nhất để tôi và em trai là Đinh Xuân L ở với ông L, còn em gái tôi là Đinh Thị Kim L, và em trai Đinh Văn L ở với bà H. Sau đó, tôi và em L đã về ở với ông bà nội tôi (ở trong ngôi nhà mà trước đây bố mẹ tôi ở, là căn nhà tre 4 gian, 1 trái), ông L bán phần đất ông và bà T đang ở và cùng bà T đi làm gạch cho Trung tâm bảo trợ và ở trên phần đất của Trung tâm (cách nhà ông bà nội tôi khoảng 700m). Quá trình sau đó, ông L vẫn liên lạc, đi lại với ông bà nội và chúng tôi. Ngôi nhà chúng tôi ở dần cũng ọp ẹp nên ông bà nội tôi đã dựng 3 gian nhà gỗ ở đằng sau nhà tre để ông bà và chúng tôi ở. Còn căn nhà tre vẫn ở đó. Em trai tôi là Đinh Xuân L chỉ ở cùng ông bà nội tôi được 3 năm thì lại ra ở cùng bà H do không chịu được khổ, chỉ có tôi sinh sống cùng ông bà. Đến khoảng năm 1994, ông L và bà T cùng 2 con riêng của ông bà quay lại ở trên căn nhà tre được khoảng 1 năm thì mua căn nhà gỗ của ông Lê Hóa C(giáp ngay cạnh), dựng vuông góc với căn nhà gỗ ông bà nội và tôi đang ở, nhà tre cũng phá luôn để ông L lấy nền phơi lúa. Quá trình sinh sống, giữa tôi và ông L xảy ra nhiều va chạm, nên tôi đã ra ở với bà H, không quay lại ở với ông bà nội nữa. Được một thời gian (năm 1996) thì ông nội tôi mất, bà nội lên ở cùng ông L, căn nhà gỗ bỏ trống. Sau đó, tôi lấy vợ và mua được 1 mảnh đất ở riêng. Tôi có quay lại nói chuyện với bà nội và ông L, bà T để xin căn nhà gỗ để mang đi ở. Các bên đều nhất trí, tôi mang căn nhà gỗ ra ở trên phần đất tôi mua. Bà nội tôi muốn ở cùng tôi nên đã theo tôi ra ở được khoảng 1 tháng thì ông L ra nói chuyện và đón bà về ở lại trong nhà ông L. Tôi không biết việc ông L và bà T được cấp sổ đỏ phần đất của ông bà nội. Chỉ sau này, khi có sổ rồi, bố tôi mới cho tôi biết. Tôi cũng không tranh chấp hay phản ứng gì cả, tôi chỉ nhắc bố là sau này bố nhớ cất đất cho các anh em tôi. Khoảng năm 2009, ông L và bà T xây nhà, lúc đó tôi biết nhưng cũng không có ý kiến gì. Mọi quan hệ giữa chúng tôi vẫn không có gì mâu thuẫn.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, tôi nhất trí.

Tài sản thừa kế của bố tôi để lại là đất thừa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ đứng tên Đinh Xuân L và Nguyễn Thị Thu T. Tài sản trên thừa đất gồm ngôi nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, chuồng lợn, sân, giếng (nhà do ông L và bà T xây năm 2009). Đã được Hội đồng định giá huyện Đoan Hùng thẩm định và định giá ngày 22/6/2022, tôi nhất trí với kết quả của Hội đồng.

Tôi đề nghị cắt một phần đất khoảng 50m² đến 100m² để làm nhà thờ, còn đâu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Tôi không đồng ý việc bà T yêu cầu chia cho bà 1 nửa tài sản, còn lại 1 nửa mới chia thừa kế.

Năm 2020 bà T có sửa nhà hết số tiền là 106.613.000đ, bà T đề nghị trừ đi số tiền sửa nhà còn đâu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị được sở hữu nhà và các tài sản trên đất, thanh toán chênh lệch giá trị cho các thừa kế, tôi đồng ý.

Đối với cây trồng trên đất tôi không đề nghị thẩm định, định giá nếu sau này vào phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

- Đối với phần đất khai hoang (đất ao, đất ruộng) 6650m², chưa được cấp giấy CNQSD đất, hiện bà T đang quản lý, sử dụng, tôi không đề nghị Tòa án chia thừa kế, để chúng tôi kê khai làm thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định, sau này sẽ đề nghị chia sau.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B thống nhất trình bày:

Bố mẹ đẻ tôi là ông Đinh Xuân L và bà Nguyễn Thị Thu T. Ông L chết năm 2017. Bố mẹ tôi sinh được 02 người con là Đinh Văn T và Đinh Văn B. Trước khi lấy mẹ tôi ông L đã ly hôn vợ là bà H và có 04 con với vợ cũ, là Đinh Công T (sinh năm 1976), Đinh Thị Kim L (sinh năm 1978), Đinh Xuân L (sinh năm 1980), Đinh Văn L (sinh năm 1983). Ông bà nội tôi là ông Đinh Văn H (chết năm 1996), bà Hoàng Thị H (chết năm 2004). Ông bà nội tôi có 2 người con, là Đinh Xuân T (đã chết năm 1975, chưa có vợ, con) và bố tôi là Đinh Xuân L.

Di sản của bố tôi để lại như mẹ tôi trình bày gồm một phần hai thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ đứng tên Đinh Xuân L và Nguyễn Thị Thu T. Tài sản trên thửa đất gồm ngôi nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, chuồng lợn, sân, giếng (nhà do ông L và bà T xây năm 2009). Đã được Hội đồng định giá huyện Đoan Hùng thẩm định và định giá ngày 22/6/2022, tôi nhất trí với kết quả của Hội đồng. Tôi không có bổ sung gì. Toàn bộ các tài sản là di sản của bố tôi để lại hiện nay đều do mẹ tôi quản lý và sử dụng. Nay mẹ tôi đề nghị chia di sản thừa kế thì tôi nhất trí, tôi xin được nhận phần di sản thừa kế mà tôi được hưởng và đề nghị Tòa án chia cho tôi phần đất giáp với phần đất mà mẹ tôi được hưởng để tiện sinh hoạt sau này.

Sau khi bố tôi chết, năm 2020 mẹ tôi có sửa nhà hết số tiền là 106.613.000đ, Tôi đề nghị trừ đi số tiền sửa nhà còn đâu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật, đề nghị để mẹ tôi là bà T được sở hữu nhà và các tài sản trên đất, thanh toán chênh lệch giá trị cho các thừa kế. Đối với cây trồng trên đất tôi không đề nghị thẩm định, định giá nếu sau này vào phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

- Đối với phần đất khai hoang (đất ao, đất ruộng) 6650m², chưa được cấp giấy CNQSD đất, hiện mẹ tôi bà T đang quản lý, sử dụng, tôi đề nghị Tòa án không chia thừa kế, để chúng tôi kê khai làm thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định, sau này sẽ đề nghị chia sau.

Tôi không đồng ý việc anh T đề nghị cắt một phần diện tích đất khoảng từ 50m² đến 100m² để làm nhà thờ còn đâu thì chia thừa kế.

3.2. Chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L thống nhất trình bày:

Bố mẹ đẻ tôi là ông Đinh Văn L (đã chết năm 2017) và bà Vũ Thị H (sinh năm 1954, hiện đang ở thôn 2, xã S, huyện Đoan Hùng) sinh được 4 người con, gồm: Đinh Công T (sinh năm 1976), Đinh Thị Kim L (sinh năm 1978), Đinh Xuân L (sinh năm

1980), Đinh Văn L (sinh năm 1983), hiện các anh chị em đều đang ở thôn 2, xã S. Ông bà nội tôi là ông Đinh Văn H (chết năm 1996), bà Hoàng Thị H (chết năm 2004). Ông bà nội tôi có 2 người con, là Đinh Xuân T (đã chết năm 1975, chưa có vợ, con) và bố tôi là Đinh Xuân L. Sau khi bố tôi ly hôn với mẹ tôi thì kết hôn với bà Nguyễn Thị Thu T và có 02 người con là Đinh Văn T và Đinh Văn B. Trước đây gia đình chúng tôi ở chung cùng ông bà nội, sau đó ông bà nội ra ở riêng, gia đình chúng tôi ở mảnh đất bên dưới, còn ông bà nội ở mảnh đất bên trên (cả 2 phần đất này nằm ở 2 thửa khác nhau nhưng đều của ông bà nội, ông bà không có sổ đỏ nhưng khai hoang và sử dụng lâu năm). Quá trình chung sống, bố mẹ tôi có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Khoảng năm 1986, ông L dẫn bà T về, đòi lấy bà T. Gia đình tôi ai cũng phản đối nhưng ông L không nghe. Sau đó, ông bà nội tôi có tổ chức họp gia đình và thống nhất để cho ông L chung sống với bà T tại ngôi nhà mà ông bà nội đang ở, còn ông bà về ở với mẹ tôi và chúng tôi tại ngôi nhà chúng tôi đang sinh sống. Được khoảng 1 năm thì xô xát giữa bà T và bà H xảy ra, bà H không chịu được nên đã bỏ ra ngoài nhà anh trai của bà H (Vũ Viết N) ở nhờ và viết đơn ly hôn, khi đó 4 anh em tôi đều theo bà H ra đó ở. Quá trình bà H và ông L giải quyết ly hôn, đã thống nhất để anh Đinh Công T và Đinh Xuân L ở với ông L, Đinh Thị Kim L và em trai Đinh Văn L ở với bà H. Khoảng năm 2009, ông L và bà T xây nhà, lúc đó chúng tôi biết nhưng cũng không phản ứng gì. Việc ông L và bà T được cấp sổ đỏ phần đất của ông bà nội thì sau này, khi có sổ rồi, bố tôi mới cho chúng tôi biết. Chúng tôi cũng không tranh chấp hay phản ứng gì cả.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, chúng tôi nhất trí.

Tài sản thừa kế của bố tôi để lại là đất thừa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ đứng tên Đinh Xuân L và Nguyễn Thị Thu T. Tài sản trên thừa đất gồm ngôi nhà mái bằng, bếp, công trình phụ, chuồng lợn, sân, giếng (nhà do ông L và bà T xây năm 2009). Đã được Hội đồng định giá huyện Đoan Hùng thẩm định và định giá ngày 22/6/2022, tôi nhất trí với kết quả của Hội đồng.

Anh T đề nghị cắt một phần đất khoảng 50m² đến 100m² để làm nhà thờ, chúng tôi không đồng ý. Bà T yêu cầu chia cho bà 1 nửa tài sản, còn lại 1 nửa mới chia thừa kế, chúng tôi không đồng ý.

Chúng tôi đề nghị chia thừa kế toàn bộ thừa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm) theo quy định của pháp luật.

Năm 2020 bà T có sửa nhà hết số tiền là 106.613.000đ, bà T đề nghị trừ đi số tiền sửa nhà còn đâu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị được sở hữu nhà và các tài sản trên đất, thanh toán chênh lệch giá trị cho các thừa kế, chúng tôi đồng ý. Đối với cây trồng trên đất chúng tôi không đề nghị thẩm định, định giá nếu sau này vào phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

- Đối với phần đất vỡ hoang (đất ao, đất ruộng) 6650m², chưa được cấp giấy CNQSD đất, hiện bà T đang quản lý, sử dụng, chúng tôi không đề nghị Tòa án không

chia thừa kế, để chúng tôi kê khai làm thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định, sau này sẽ đề nghị chia sau.

3.3. Bà Vũ Thị H trình bày:

Tôi và ông Đinh Xuân L kết hôn với nhau vào năm 1975 đến năm 1986 thì ly hôn. Chúng tôi có 4 người con, gồm: Đinh Công T (sinh năm 1976), Đinh Thị Kim L (sinh năm 1978), Đinh Xuân L (sinh năm 1980), Đinh Văn L (sinh năm 1983). Thời gian từ năm 1975 đến năm 1986 tôi với ông L cùng các con chung sống trên mảnh đất mà hiện nay bà T đang đề nghị chia di sản thừa kế. Khi tôi và ông L ly hôn thì chúng tôi xác định tài sản chung không có gì vì khi đó mảnh đất này vẫn của bố mẹ ông L là ông H và bà H. Hiện nay ông L đã chết (năm 2017). Tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông L để lại theo quy định của pháp luật, nếu tôi được hưởng tôi sẽ nhận. Về công sức nếu được thì tôi đề nghị tính phần công sức đóng góp trong thời gian tôi và ông L chung sống với nhau từ năm 1975 đến 1986.

3.4. Ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Thu T là hàng xóm, ngày 24/9/2020 âm lịch, tôi có cho chị Nguyễn Thị Thu T vay số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), để sửa nhà lấy vợ cho con trai, thời hạn vay là 01 năm, không tính lãi. Tiền tôi cho chị T vay là tiền riêng của tôi, không liên quan đến vợ và gia đình. Đến nay chị T vẫn chưa trả tiền cho tôi. Nay tôi đề nghị chị T phải trả cho tôi số tiền nợ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), không đề nghị tính lãi. Do tuổi cao nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

3.5. Anh L Quang H trình bày:

Gia đình tôi với gia đình chị Nguyễn Thị Thu T không có quan hệ anh em họ hàng. Chị T làm giúp việc cho gia đình tôi, giúp chăm sóc mẹ tôi. Khoảng năm 2020, do có công việc sửa nhà để lấy vợ cho con trai. Chị T có hỏi vay tôi số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Tôi đã cho chị T vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), chị T hẹn 1 năm sau sẽ trả nợ nhưng đến nay chị T vẫn chưa trả nợ cho tôi. Nay tôi đề nghị chị T phải trả cho tôi tiền nợ là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), tôi không đề nghị tính lãi. Tiền tôi cho chị T vay là tiền riêng của tôi, không liên quan đến vợ và gia đình. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Vũ Hải L trình bày:

Cuối năm 2020 tôi có nhận làm cho bà Nguyễn Thị Thu T một số công việc gồm: Làm trần bát treo tường, cửa nhôm kính để bà T sửa nhà lấy vợ cho con trai. Tổng số tiền là 5.256.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng), bà T đã trả đủ tiền cho tôi vào ngày 18/12/2020, tôi có viết giấy biên nhận tiền. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4.2. Anh Mai Xuân Q trình bày:

Cuối năm 2020 bà Nguyễn Thị Thu T có thuê tôi làm điện nước, lắp đặt toàn bộ hệ thống điện nước, nhà vệ sinh cho bà T để lấy vợ cho con trai. Tổng số tiền là 20.050.000đ (Hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Bà T đã trả đủ tiền

cho tôi vào ngày 18/12/2020, tôi có viết giấy biên nhận tiền. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4.3. Anh Trần Quốc H trình bày:

Cuối năm 2020 bà Nguyễn Thị Thu T có thuê tôi làm một số công việc: Làm tay vịn cầu thang, sơn lại cửa gỗ, để lấy vợ cho con trai. Tổng số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Bà T đã trả đủ tiền cho tôi vào ngày 16/10/2020, tôi có viết giấy biên nhận tiền. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4.4. Anh Đào Trọng T trình bày:

Cuối năm 2020 tôi có nhận làm công (thợ xây), sửa nhà cho bà Nguyễn Thị Thu T. Tổng số tiền công thợ là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), bà T đã trả đủ tiền cho tôi vào ngày 20/12/2020, tôi có viết giấy biên nhận tiền. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4.5. Ông Nguyễn Thành L trình bày:

Cuối năm 2020 tôi có bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh cho bà Nguyễn Thị Thu T. Tổng số tiền vật tư là 19.107.000đ (Mười chín triệu một trăm linh bảy nghìn), bà T đã trả đủ tiền cho tôi vào ngày 10/11/2020, tôi có viết giấy hóa đơn bán hàng cho bà T. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

4.6. Anh Trần Việt Đ trình bày:

Cuối năm 2020 tôi có nhận chở vật liệu cho bà Nguyễn Thị Thu T để sửa nhà lấy vợ cho con trai, bao gồm gạch chi, xi măng, cát sỏi. Tổng số tiền bà T phải thanh toán cho tôi là 15.200.000đ (Mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng), bà T đã trả đủ tiền cho tôi vào ngày 9/10/2020, tôi có viết giấy biên nhận cho bà T. Do bận việc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt tôi.

5. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đề nghị chia thừa kế và Hội đồng định giá tài sản xác định:

+ Diện tích đất 3076m² (trong đó có 200 m² và 2876 m² đất trồng cây lâu năm), tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Được UBND huyện Đoan Hùng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 299823 ngày 16/12/2013, đứng tên ông Đinh Xuân L và bà Nguyễn Thị Thu T. Có giá là 750.000đ/1m² đất ở x 200m² = 150.000.000đ; 113.820đ/1m² đất trồng cây lâu năm x 2876m² = 327.346.320đ. Tổng giá trị đất là: 477.346.320đ.

+ Tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng một tầng diện tích 9,6 x 8 = 76,8 m² có giá là: 92.160.000đ; 01 bếp diện tích 6,7 x 6,5 = 43,85 m², có giá là: 37.272.000đ; 01 nhà kho có diện tích 3 x 4 = 12 m² có giá là 3.600.000đ; 01 sân bê tông 57,6 + 19,1 = 76,7 m² có giá là 15.340.000đ; 01 bể nước 2 x 1 = 2 m³ có giá là 500.000đ; 01 giếng nước có giá là 3.000.000đ; sân giếng 2 x 2 = 4 m² có giá là 400.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất là 152.272.000đ.

+ Cây trồng trên đất các đương sự không đề nghị thẩm định, định giá, sau này vào phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

+ Ngoài ra còn có diện tích đất ruộng, ao gia đình bà T khai hoang chưa được cấp giấy CNQSD đất có diện tích là 6650m², vị trí cạnh với thửa đất số 37, tờ bản đồ

số 31 (không nằm chung với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, gia đình bà T chưa kê khai nên không thể hiện số thửa trên bản đồ địa chính cũng như thể hiện trong sổ mục kê, sổ địa chính tại địa phương). Do chưa biết số thửa đất, loại đất nên, chưa được công nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng định giá chưa xác định được loại đất nên Hội đồng không định giá.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến của về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 26, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về chia di sản thừa kế của ông Đinh Xuân L theo pháp luật.

+ Xác nhận di sản thừa kế gồm:

Một phần hai thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích là: 1538 m² (trong đó có 100m² đất ở và 1438m² đất trồng cây lâu năm). Trị giá đất được Hội đồng định giá là: 238.673.160đ. Tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng; 01 bếp; 01 nhà kho; 01 sân bê tông; 01 bể; 01 giếng nước; 01 sân giếng. Trị giá tài sản trên đất được Hội đồng định giá là: 152.272.000đ - 106.613.000đ (tiền sửa nhà) = 45.659.000đ. Phần ông L để lại chia thừa kế là ½ tương ứng: 45.659.000đ/2 = 22.829.500đ. Tổng giá trị di sản thừa kế ông L để lại cho các thừa kế là: 261.502.000đ. Do vậy bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B mỗi người được hưởng 37.357.522đ trị giá di sản thừa kế.

- Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu và sử dụng một phần hai thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, là phần đất thuộc sở hữu chung với ông Đinh Xuân L có diện tích là: 1538m² (trong đó có 100m² đất ở và 1438m² đất trồng cây lâu năm). Tài sản trên diện tích đất này gồm: 01 nhà mái bằng; 01 bếp; 01 nhà kho; 01 sân bê tông; 01 bể nước; 01 giếng nước; 01 sân giếng, và các cây trồng trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu T, anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L mỗi người: 219,7m² đất trồng cây lâu năm. Anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người: 219,7m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 169,7m² đất trồng cây lâu năm). Có sơ đồ trích đo kèm theo.

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá kỹ phần thừa kế (tài sản trên đất), cho các thừa kế gồm: Anh Đinh Công T, chị Đinh Thị

Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người là: 3.261.357đ (Ba triệu hai trăm sáu một nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng).

- Anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá kỹ phần thừa kế tài sản là (đất ở), cho các thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T, anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L mỗi người 4.543.817đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng).

- Đối với diện tích đất 6650m², là đất ruộng, đất ao gia đình bà T khai hoang chưa được cấp giấy CNQSD đất. Các đương sự đều thống nhất không đề nghị Tòa án chia thừa kế, để gia đình làm thủ tục kê khai xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật, sau đó mới đề nghị chia, nên đề nghị HĐXX không tạm chia.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Minh Q số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), trả cho anh L Quang H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Về án phí: Bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B phải trả lại cho bà T theo kỹ phần phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T, bị đơn anh Đinh Công T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có nơi cư trú tại: Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tài sản đề nghị chia thừa kế là bất động sản tại Khu 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q, anh L Quang H và bà Vũ Thị H và những người làm chứng, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2, điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông Đinh Xuân L chết năm 2017, không để lại di chúc. Theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T thì đối tượng tranh chấp trong vụ án này là bất động sản. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thì việc bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện đề nghị chia thừa kế là đúng thời hiệu.

[3]. Về di sản thừa kế:

Các đương sự đều thống nhất xác định diện tích đất 3076m^2 , thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Được UBND huyện Đoan Hùng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 299823 ngày 16/12/2013, đứng tên ông Đinh Xuân L và bà Nguyễn Thị Thu T, đã được Hội đồng thẩm định và định giá ngày 22/6/2022 là tài sản hợp pháp của ông Đinh Xuân L và bà Nguyễn Thị Thu T. Ông L chết năm 2017 không để lại di chúc, nên kỹ phần là một phần hai quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này được xác định là tài sản thừa kế để lại cho những người thừa kế.

Như vậy cần xác định: Di sản thừa kế của ông Đinh Xuân L để lại chia cho các thừa kế là: Một phần hai quyền sử dụng đất, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, diện tích $3076\text{m}^2 / 2$ là $=1538\text{m}^2$ (trong đó có 100m^2 đất ở và 1438m^2 đất trồng cây lâu năm). Trị giá: 100m^2 đất ở $\times 750.000\text{đ}/1\text{m}^2 = 75.000.000\text{đ}$; 1438m^2 đất trồng cây lâu năm $\times 113.820\text{đ}/1\text{m}^2 = 163.673.160\text{đ}$. Tổng trị giá đất là: $238.673.160\text{đ}$.

Tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng = $92.160.000\text{đ}$; 01 bếp = $37.272.000\text{đ}$; 01 nhà kho = $3.600.000\text{đ}$; 01 sân bê tông = $15.340.000\text{đ}$; 01 bể nước = 500.000đ ; 01 giếng nước = $3.000.000\text{đ}$; 01 sân giếng = 400.000đ . Tổng trị giá tài sản trên đất là: $152.272.000\text{đ}$. Bà T sửa chữa nhà năm 2020 sau khi ông L chết với số tiền là $106.613.000\text{đ}$. Như vậy trị giá tài sản trên đất của ông L và bà T là $152.272.000\text{đ} - 106.613.000\text{đ} = 45.659.000\text{đ}$. Phần ông L để lại chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ tương ứng: $45.659.000\text{đ}/2 = 22.829.500\text{đ}$.

Tổng giá trị di sản thừa kế ông L để lại cho các thừa kế là: $261.502.660\text{đ}$ (Hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

+ Đối với diện tích đất 6650m^2 , là đất ruộng, đất ao gia đình bà T khai hoang chưa được cấp giấy CNQSD đất, vị trí cạnh với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31 (không nằm chung với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, gia đình bà T chưa kê khai nên không thể hiện số thửa trên bản đồ địa chính cũng như thể hiện trong sổ mục kê, sổ địa chính tại địa phương). Do chưa biết số thửa đất, loại đất nên, chưa được công nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng định giá chưa xác định được loại đất nên không định giá. Các đương sự đều thống nhất không đề nghị Tòa án chia thừa kế, để gia đình làm thủ tục kê khai xin cấp giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật, sau đó mới đề nghị chia, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về hàng thừa kế: Ông L có 04 người con riêng với bà H là Đinh Công T (sinh năm 1976), Đinh Thị Kim L (sinh năm 1978), Đinh Xuân L (sinh năm 1980), Đinh Văn L (sinh năm 1983). Ông L có 02 người con chung với bà T là Anh Đinh Văn T, Anh Đinh Văn B. Bố mẹ đẻ ông L là ông Đinh Văn H chết năm 1996, bà Hoàng Thị H chết năm 2004, Ông H bà H sinh được 02 người con là là Đinh Xuân T (đã chết năm 1975, chưa có vợ, con) và ông Đinh Xuân L. Như vậy những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông L được xác định là bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B.

+ Tổng giá trị di sản thừa kế ông L để lại cho các thừa kế là: 261.502.660đ (Hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng). Do vậy bà T, chị L, anh T, anh L, anh L, anh T, anh B mỗi người được hưởng 37.357.522đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi hai đồng) trị giá di sản thừa kế.

[5]. Xét yêu cầu chia thừa kế của bà T và các đồng thừa kế, HĐXX thấy rằng:

+ Diện tích đất 1538 m² là $\frac{1}{2}$ của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31 được chia làm 7 phần bằng nhau cho bà T, chị L, anh T, anh L, anh L, anh T, anh B mỗi người một phần, cụ thể: 1538 m² (100m² đất ở và 1438m² đất vườn), chia 7 = 219,71m², (Trong đó có 14,286m² đất ở và 205,43m² đất vườn).

Như vậy bà T, chị L, anh T, anh L, anh L, anh T, anh B mỗi người được 219,71m² (trong đó có 14,286m² đất ở và 205,43m² đất vườn). Do diện tích đất ở 100m² chia làm 7 phần, mỗi thừa kế được 14,286m² đất ở, thì không đủ diện tích tối thiểu khi cấp giấy CNQSD đất, do vậy cần giao cho anh T, anh B mỗi người 50m² đất ở, anh T, anh B phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế là bà T, chị L, anh T, anh L, anh L.

+ Đối với tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng; 01 bếp; 01 nhà kho; 01 sân bê tông; 01 bể nước; 01 giếng nước; 01 sân giếng, nằm toàn bộ trên phần đất của bà T được sử dụng, do vậy cần giao cho bà T quản lý và sử dụng, bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế là chị L, anh T, anh L, anh L, anh T, anh B.

+ Đối với yêu cầu của anh T cắt một phần diện tích đất từ 50m² đến 100m² để làm nhà thờ, tuy nhiên các thừa kế khác đều không đồng ý. Xét thấy yêu cầu của anh T không có căn cứ nên không được chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu của anh T, chị L, anh L, anh L đề nghị chia thừa kế toàn bộ diện tích đất 3076m² (trong đó có 200m² đất ở và 2876m² đất trồng cây lâu năm), là không phù hợp nên không được chấp nhận.

+ Bà T không đề nghị xem xét công sức trông nom, duy trì khối tài sản thừa kế sau khi ông L chết, do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Q, anh H yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ số tiền vay để sửa nhà. Do bà T được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản nhà trên đất, bao gồm cả phần sửa chữa nhà, nên bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ông Q, anh H là phù hợp.

[7]. Đối với việc rút yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của Ngân hàng FE Credit và bà Mai Thị H của bà T, HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này. Sau này nếu Ngân hàng FE Credit và bà Mai Thị H đề nghị thì sẽ giải quyết bằng vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[8]. Đối với yêu cầu của bà H đề nghị xem xét công sức đóng góp trong thời gian bà và ông L chung sống với nhau từ năm 1975 đến 1986. Tuy nhiên xét thấy trong thời gian này bà H cùng mọi người trong gia đình đều cùng nhau cải tạo đất, trồng trọt để tăng gia sản xuất phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình, đóng góp công sức làm gian nhà tre 04 gian, nhưng hiện tại ngôi nhà đã bị dỡ bỏ từ lâu, không còn nữa. Hơn nữa khi ly hôn với ông L, năm 1986 bà và ông L đã xác định

không có tài sản chung gì và cũng không đề nghị công sức gì. Do vậy đề nghị của bà H về việc xem xét công sức đóng góp là không phù hợp, nên không chấp nhận.

[9]. Các thừa kế bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B đều xác định khi ông Đinh Văn H, bà Hoàng Thị H, ông Đinh Xuân L chết, việc lo mai táng, tang lễ thì mọi người trong gia đình đều đứng ra lo liệu, không đề nghị gì và cũng không có khoản nợ nào liên quan đến việc tang lễ, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét.

[10]. Về chi phí, đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B phải chịu theo quy định của pháp luật. Xác nhận bà T đã nộp số tiền tạm ứng là: 17.777.238 đ (Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi tám đồng). Anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền chi phí, đo đạc, thẩm định, định giá tài sản mỗi người là 2.539.605đ (Hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm linh năm đồng).

[11]. Về án phí: Bà T, anh T, chị L, anh L, anh L, anh T, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được phân chia. Bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nghĩa vụ trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 26, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về chia di sản thừa kế của ông Đinh Xuân L theo pháp luật.

- Những người được hưởng di sản thừa kế tài sản của ông Đinh Xuân L gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T, anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B.

- Xác nhận di sản thừa kế gồm: Một phần hai thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, có diện tích đất là: 1538 m² (trong đó có 100m² đất ở và 1438m² đất trồng cây lâu năm). Trị giá đất được Hội đồng định giá là: 238.673.160đ. Và 1/2 giá trị tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng; 01 bếp; 01 nhà kho; 01 sân bê tông; 01 bể; 01 giếng nước; 01 sân giếng. Trị giá tài sản trên đất được Hội đồng định giá là: 152.272.000đ - 106.613.000đ (tiền sửa nhà) = 45.659.000đ. Phần tài sản trên đất ông L để lại chia thừa kế là 1/2 tương ứng: 45.659.000đ /2 = 22.829.500đ. Tổng giá trị di sản thừa kế ông L để lại cho các thừa kế là: 261.502.660đ (Hai trăm sáu mươi một triệu năm trăm linh hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thu T được sở hữu và sử dụng 1/2 thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, là phần đất thuộc sở hữu chung với ông Đinh Xuân L có diện tích là: 1538m² (trong đó có 100m² đất ở và 1438m² đất trồng cây lâu năm), (ký hiệu S8). Có các cạnh từ điểm 21-22 = 32.86m giáp đất ao khai hoang; 22-23= 10.90m; 23-24=13.26; 24-25=8.71; 25-26=6.71; 26-26=10.38 giáp đất nhà ông Nhĩ; 26-27=17.20; 27-28=10.21; 28-29=4.53 giáp đường đi 6m; 29-21=45.78m giáp với diện tích đất 219,7m² giao cho bà T. Tài sản trên diện tích đất này gồm: 01 nhà mái bằng; 01 bếp; 01 nhà kho; 01 sân bê tông; 01 bể nước; 01 giếng nước; 01 sân giếng và các cây trồng trên đất (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thu T: 219,7m² đất trồng cây lâu năm, là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31 (ký hiệu S7), có các cạnh từ điểm: 1-2 = 1.69m giáp đường đi 6m; 2 -20 = 44.69m giáp với diện tích đất 219,7m² giao cho anh T; 20-21=5.86m giáp đất ao khai hoang, 21-29=45.78m giáp với diện tích đất 1538m² của bà T, 29-1=2.31m giáp đường đi 6m. Cùng các cây trên đất (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

Bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá kỹ phần thừa kế (tài sản trên đất) cho các thừa kế gồm: Anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người là: 3.261.357đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi một nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng).

- Giao cho anh Đinh Văn T: 219,7m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 169,7m² đất trồng cây lâu năm), là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S6). Có các cạnh từ điểm: 2-3 = 4.0m giáp đường 6m, 3 -19 = 43.62m giáp đất chia cho anh B, 19-20=6.01m giáp đất ao khai hoang, 20-2=44.69m giáp đất chia cho bà T. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

Anh Đinh Văn T có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá kỹ phần thừa kế tài sản (đất ở) cho các thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T, anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L mỗi người 4.543.817đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng).

- Giao cho anh Đinh Văn B: 219,7m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 169,7m² đất trồng cây lâu năm), là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S5). Có các cạnh từ điểm: 3-4 = 4.0m giáp đường 6m, 4 -18 = 42.63m giáp đất chia cho anh T, 18-19=6.22m giáp đất ao khai hoang, 19-3=43.62m giáp đất chia cho anh T. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

Anh Đinh Văn B có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch trị giá kỹ phần thừa kế tài sản (đất ở) cho các thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Thu T, anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L mỗi người 4.543.817đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng).

- Giao cho anh Đinh Công T: 219,7m² đất trồng cây lâu năm, là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S4). Có các cạnh từ điểm: 4-5 = 4.0m giáp đường 6m, 5 -16 = 40.26m giáp đất chia cho anh L, 16-17=4.4m, 17-

18=2.51m giáp đất ao khai hoang, 18-4=42.63m giáp đất chia cho anh B. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

- Giao cho anh Đinh Xuân L: 219,7m² đất trồng cây lâu năm, là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S3). Có các cạnh từ điểm: 5-6 = 4.0m giáp đường 6m, 6 -14 = 34.21m giáp đất chia cho anh L, 14-15=7.69m, 15-16=1.73m giáp đất ao khai hoang, 16-5=40.26m giáp đất chia cho anh T. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

- Giao cho anh Đinh Văn L: 219,7m² đất trồng cây lâu năm, là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S2). Có các cạnh từ điểm: 6-7 = 4.0m giáp đường 6m, 7-12=28.09m giáp đất chia cho chị L, 12-13=3.59, 13-14=8.21m giáp đất ao khai hoang, 14-6 = 34.21m giáp đất chia cho anh L. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

- Giao cho chị Đinh Thị Kim L: 219,7m² đất trồng cây lâu năm, là một phần diện tích của thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31, (ký hiệu S1). Có các cạnh từ điểm: 7-8 = 4.8m giáp đường 6m, 8-9=5.80m, 9-10=13.53m, 10-11=7.12m giáp đường 3m, 11-12=11.20m giáp đất ao khai hoang, 12-7=28.09m giáp đất giao cho anh L. Cùng các cây trên đất. (Có sơ đồ trích đo kèm theo).

2. Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh Q số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), và anh L Quang H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Anh Đinh Công T, chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 2.539.605đ (Hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu T, Chị Đinh Thị Kim L, anh Đinh Công T, anh Đinh Xuân L, anh Đinh Văn L, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn B mỗi người phải chịu 1.867.876đ (Một triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm chia thừa kế.

- Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ.

- Xác nhận bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ (Một triệu đồng). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/ 0004019 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khanh